

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mộng T, sinh năm 1994. Thường trú: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Tổ A, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T1; sinh năm 1987. Thường trú: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: Tổ A, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Minh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 81 quyển số 01/2012 ngày 14/5/2012.

Cuộc sống hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm về cuộc sống không đồng nhất dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp nhưng không thể giải quyết được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Minh T1 không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh T2.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T1 có với nhau 03 người con chung là cháu Lê Huỳnh Thanh D, sinh ngày 16/9/2021; cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 29/11/2013 và cháu Lê Minh T3, sinh ngày 16/10/2011. Sau khi ly hôn chị yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh D và cháu Gia H. Anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh T3; không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung : Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Minh T1*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, yêu cầu anh Lê Minh T1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Phan Thị Mộng T nhưng anh T1 không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập anh T1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 19/6/2024, nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, đồng thời chị T có đơn xin từ chối hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã có những mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy chị T nộp đơn xin ly hôn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Về con chung: Các cháu Thanh D và Gia H đang sống cùng bà T, cháu Minh T3 đang sống cùng ông T1; cháu Thanh D hiện dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc từ người mẹ, các cháu Gia H và Minh T3 đều có nguyện vọng được ở với người hiện tại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị Mộng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng

vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mộng T và anh Lê Minh T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 81 quyển số 01/2012 ngày 14/5/2012 do UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị T thì thực tế cuộc sống vợ chồng của chị và anh T1 có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến không thể nói chuyện và chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên đã cố gắng, hai gia đình cũng đã hòa giải nhưng không thể hàn gắn tình cảm được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh T1 có với nhau 03 người con chung là cháu Lê Huỳnh Thanh D, sinh ngày 16/9/2021; cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 29/11/2013 và cháu Lê Minh T3, sinh ngày 16/10/2011. Cháu Thanh D chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Gia H có nguyện vọng ở với mẹ nên giao Thanh D và cháu Gia H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp; cháu Minh T3 có nguyện vọng muốn ở với cha nên giao cháu Minh T3 cho anh T1 nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là ý chí tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T1 cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về của chị Phan Thị Mộng T đối với anh Lê Minh T1.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Mộng T về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Lê Minh T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mộng T được ly hôn với anh Lê Minh T1 (Giấy chứng nhận kết hôn 81 quyển số 01/2012 ngày 14/5/2012 do UBND xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp).

1.2. Về con chung:

- Anh Lê Minh T1 giao cháu Lê Huỳnh Thanh D, sinh ngày 16/9/2021 và cháu Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 29/11/2013 cho chị Phan Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị Phan Thị Mộng T giao cháu Lê Minh T3, sinh ngày 16/10/2011 cho anh Lê Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Mộng T và anh Lê Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Phan Thị Mộng T và anh Lê Minh T1 phải tạo điều kiện cho nhau qua lại thăm nom con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Mộng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002690 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP. Dĩ An (1);
- CC THADS TP. Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

